

các đơn vị đang làm nhiệm vụ trực chiến ở biên giới, các tổ chức phải làm việc trong những ngày Tết, các gia đình thương binh, liệt sĩ, có công với cách mạng, các gia đình có chồng, con đi làm nhiệm vụ quốc tế, các cụ đã được nghỉ hưu, các gia đình và địa phương bị tai nạn do bão lụt gây ra...

Chỉ thị này cần được phổ biến đến các cấp, các ngành, các đơn vị cơ sở và nhân dân thực hiện.

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 1983

K. T. Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng

Phó chủ tịch

**TÔ HỮU**

**VIỆN KIỂM SÁT  
NHÂN DÂN TỐI CAO**

**QUY CHẾ số 2-TC/V9 ngày 15-9-1983  
quy định ngạch kiểm sát viên  
Viện kiểm sát nhân dân.**

**VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT  
NHÂN DÂN TỐI CAO**

Căn cứ điều 26 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân ngày 4-7-1981;

Nay định Quy chế ngạch kiểm sát viên như sau,

**Điều 1. — Vị trí, trách nhiệm kiểm sát viên.**

1. Kiểm sát viên là những cán bộ ngành kiểm sát nhân dân được Hội đồng Nhà nước cử hoặc viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao bổ nhiệm theo quy định của Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân để thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật, thực hành quyền công tố, bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

2. Dưới sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, các kiểm sát viên làm nhiệm vụ theo sự phân công và ủy nhiệm của viện trưởng cấp mình.

Căn cứ để tiến hành kiểm sát là Hiến pháp, luật, các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng Nhà nước và Hội đồng bộ trưởng.

3. Kiểm sát viên phải tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với chế độ xã hội chủ nghĩa; hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân, dũng cảm đấu tranh bảo vệ chân lý, bảo vệ pháp chế thống nhất, phải đề cao ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần cảnh giác cách mạng; phấn đấu rèn luyện nâng cao trình độ và 5 đức tính của cán bộ kiểm sát là công minh, chính trực, khách quan, thận trọng và khiêm tốn.

**Điều 2. — Cấp, bậc trong ngạch kiểm sát viên.**

Ngạch kiểm sát viên gồm có kiểm sát viên cao cấp, kiểm sát viên trung cấp, kiểm sát viên sơ cấp.

**1. Kiểm sát viên cao cấp 4 bậc:**

- Kiểm sát viên cao cấp bậc 1
- Kiểm sát viên cao cấp bậc 2
- Kiểm sát viên cao cấp bậc 3
- Kiểm sát viên cao cấp bậc 4

**2. Kiểm sát viên trung cấp 3 bậc:**

- Kiểm sát viên trung cấp bậc 1
- Kiểm sát viên trung cấp bậc 2
- Kiểm sát viên trung cấp bậc 3

**3. Kiểm sát viên sơ cấp 3 bậc:**

- Kiểm sát viên sơ cấp bậc 1
- Kiểm sát viên sơ cấp bậc 2
- Kiểm sát viên sơ cấp bậc 3

**Điều 3. — Tiêu chuẩn kiểm sát viên.**

**1. Kiểm sát viên cao cấp.**

— Có phẩm chất, năng lực chính trị vững; nắm và vận dụng tốt đường lối,

chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chức năng, nhiệm vụ của ngành vào hoạt động thực tiễn công tác kiểm sát; có trình độ nghiên cứu, tổng hợp, phát hiện, đề xuất biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm.

— Tốt nghiệp cao đẳng kiểm sát hoặc đại học pháp lý.

— Học xong chương trình chính trị trung, cao cấp.

### 2. Kiểm sát viên trung cấp.

— Có phẩm chất chính trị tốt; nắm được đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nghiệp vụ công tác kiểm sát. Có năng lực hoạt động thực tiễn và khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

— Tốt nghiệp phổ thông trung học.

— Tốt nghiệp trung cấp kiểm sát hoặc trung cấp pháp lý trở lên.

— Học xong chương trình chính trị trung cấp.

### 3. Kiểm sát viên sơ cấp.

— Có phẩm chất chính trị tốt, nhận thức được đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Hiểu biết các khâu nghiệp vụ kiểm sát và làm tốt một khâu.

— Tốt nghiệp phổ thông trung học.

— Học xong chương trình trung cấp kiểm sát hoặc trung cấp pháp lý.

#### Điều 4. — **Đối tượng được bổ nhiệm và phong cấp, bậc kiểm sát viên.**

1. Cán bộ công tác trong ngành kiểm sát nhân dân có đủ tiêu chuẩn quy định trong Quy chế này.

2. Học sinh được đào tạo ở các trường trung cấp hoặc cao đẳng kiểm sát, sau

khi hết thời gian tập sự và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Học sinh được đào tạo ở các trường cao đẳng hoặc đại học pháp lý khác, sau khi hết thời gian tập sự phải có thời gian công tác trong ngành 1 năm trở lên và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

4. Cán bộ từ cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân chuyển sang ngành kiểm sát phải có đủ tiêu chuẩn quy định trong Quy chế này và phải có thời gian công tác trong ngành kiểm sát 1 năm trở lên, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

#### Điều 5. — **Thời hạn phong, thăng cấp, bậc kiểm sát viên.**

1. Việc phong cấp, bậc kiểm sát viên phải căn cứ vào tiêu chuẩn quy định cho mỗi cấp, vào việc hoàn thành nhiệm vụ được giao và theo thời hạn dưới đây:

— Kiểm sát viên sơ cấp bậc 1 lên kiểm sát viên sơ cấp bậc 2 là 3 năm,

— Kiểm sát viên sơ cấp bậc 2 lên kiểm sát viên sơ cấp bậc 3 là 3 năm,

— Kiểm sát viên sơ cấp bậc 3 lên kiểm sát viên trung cấp bậc 1 là 4 năm,

— Kiểm sát viên trung cấp bậc 1 lên kiểm sát viên trung cấp bậc 2 là 4 năm,

— Kiểm sát viên trung cấp bậc 2 lên kiểm sát viên trung cấp bậc 3 là 4 năm,

— Kiểm sát viên trung cấp bậc 3 lên kiểm sát viên cao cấp bậc 1 là 5 năm,

— Kiểm sát viên cao cấp bậc 1 lên kiểm sát viên cao cấp bậc 2 là 5 năm,

— Kiểm sát viên cao cấp bậc 2 lên kiểm sát viên cao cấp bậc 3 là 5 năm.

Thời hạn lưu lại ở bậc 3 kiểm sát viên cao cấp không quy định.

2. Thời gian đi học chính trị, văn hóa, nghiệp vụ và các nghĩa vụ khác theo quy

định của Nhà nước đều được tính để phong cấp bậc.

3. Đến thời hạn xét thăng bậc, kiểm sát viên phải qua nhận xét định kỳ và đề nghị của thủ trưởng đơn vị công tác. Nếu chưa đủ tiêu chuẩn thăng bậc thì được kéo dài thêm một thời hạn của cấp, bậc đang giữ; hết thời hạn đó mà vẫn không đủ tiêu chuẩn thì được chuyển sang ngạch cán sự hoặc chuyên viên pháp lý.

4. Kiểm sát viên có thành tích xuất sắc trong công tác thì được xét phong cấp, bậc trước thời hạn.

Mỗi lần thăng chỉ được 1 bậc. Trong trường hợp đặc biệt có thể được thăng 2 bậc.

5. Kiểm sát viên có phạm sai lầm trong công tác, vi phạm phẩm chất, đạo đức có thể bị giáng cấp, bậc. Mỗi lần chỉ giáng 1 bậc. Trong trường hợp nghiêm trọng có thể bị giáng 2 bậc; bị thi hành kỷ luật hành chính theo quy định chung của Nhà nước. Nếu phạm tội thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Cấp có thẩm quyền phong cấp, bậc nào thì có quyền giáng cấp, bậc đó.

**Điều 6. — Trình tự phong, thăng cấp, bậc kiểm sát viên.**

1. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao do Quốc hội bầu.

2. Phó viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao do Hội đồng Nhà nước cử và xếp vào bậc 4 kiểm sát viên cao cấp.

3. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao do Hội đồng Nhà nước cử và viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối

cao xếp vào kiểm sát viên cao cấp theo quy chế.

4. Viện trưởng, phó viện trưởng, kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân địa phương do viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao bổ nhiệm và phong cấp, bậc.

**Điều 7. — Chế độ trang phục và giấy chứng minh.**

1. Kiểm sát viên được cấp trang phục thống nhất sau đây:

- Phù hiệu,
- Cấp hiệu,
- Quần áo thu đông và xuân hè,
- Các trang phục cần thiết khác,

— Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có cấp hiệu riêng.

2. Viện trưởng, phó viện trưởng, kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân các cấp được cử hoặc bổ nhiệm theo Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân thì được viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao cấp giấy chứng minh để làm nhiệm vụ kiểm sát; được quyền yêu cầu các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, nhân viên Nhà nước và công dân thực hiện đúng pháp luật; được ưu tiên sử dụng các phương tiện giao thông, liên lạc công cộng để kịp thời ngăn chặn hành vi phạm tội và vi phạm pháp luật.

3. Giấy chứng minh kiểm sát viên chỉ được sử dụng để thi hành nhiệm vụ.

4. Về chế độ trang phục và giấy chứng minh kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân có quy định cụ thể số 17-QĐ/V9 ngày 15-9-1983 kèm theo Quy chế này.

**Điều 8. — Tiền lương và phụ cấp.**  
 Chế độ tiền lương và phụ cấp được xếp theo cấp, bậc và chức vụ.

**Điều 9. — Kỷ luật sử dụng trang phục và giấy chứng minh.**

1. Nghiêm cấm việc sử dụng trang phục và giấy chứng minh kiểm sát viên vào mục đích cá nhân.

2. Trường hợp lợi dụng trang phục và giấy chứng minh kiểm sát viên làm điều phi pháp sẽ bị xử lý theo pháp luật.

**Điều 10. — Điều khoản thi hành.**

1. Quy chế ngạch kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Hội đồng Nhà nước phê chuẩn.

2. Ngạch bậc, trang phục và giấy chứng minh của kiểm sát viên Viện kiểm sát quân sự có quy định riêng.

3. Vụ tổ chức cán bộ, các vụ, viện, văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân các địa phương có trách nhiệm tổ chức thi hành Quy chế này.

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 1983

Viện trưởng

Viện kiểm sát nhân dân tối cao

**TRẦN LÊ**

**QUY ĐỊNH số 17-V9/TC ngày 15-9-1983 về chế độ trang phục, giấy chứng minh kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân.**

(Ban hành theo Quy chế số 2-TC/V9 ngày 15-9-1983)

## VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

Căn cứ Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân ngày 4-7-1981 ;

Nay quy định chế độ trang phục, giấy chứng minh kiểm sát viên như sau.

### I. TRANG PHỤC KIỂM SÁT VIÊN

#### A. HÌNH THỨC CÁC TRANG PHỤC KIỂM SÁT VIÊN.

##### 1. Phù hiệu kiểm sát:

Là biểu tượng của ngành kiểm sát nhân dân, làm bằng kim loại dày 1,5mm, hình tròn, đường kính 30mm; phía trái và phải phù hiệu mỗi bên có 4 bông lúa vàng, phía trên cùng nơi tiếp giáp giữa 2 ngọn bông lúa là ngôi sao vàng dập nổi, đường kính 1,8mm, chính giữa phù hiệu có lá chắn và 2 thanh kiếm đặt chéo phía sau, mũi kiếm chúc xuống phía dưới, 2 đuôi nhô lên phía trên, đường kính 15mm màu bạch kim trên nền đỏ và có những tia của ngôi sao phía trên chiếu xuống. Xung quanh hình lá chắn có 12 vòng nhỏ như 12 đầu đinh, phía dưới có nửa bánh xe răng đường kính 4mm màu xanh thẫm, vòng cung phía dưới của bánh xe có 2 chữ KS màu bạch kim nổi. Phía sau phù hiệu có đinh ốc nhỏ để gắn vào mũ.

##### 2. Cấp hiệu kiểm sát viên:

Cấp, bậc kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân được phân biệt bằng cấp hiệu gắn trên ve áo, hình bình hành, dài 56mm, rộng 32mm, nền đen, xung quanh